

Số: 371/BC-HĐND

Đông Giang, ngày 17 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021; dự toán thu, chi NSNN năm 2022

Qua xem xét Báo cáo số 493/BC-UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện, tình hình thực hiện thu, chi NSNN năm 2021; dự toán thu, chi NSNN năm 2022 và kết quả giám sát tại các địa phương, đơn vị, Ban KT-XH HĐND huyện báo cáo HĐND huyện một số nội dung sau:

I. Thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021

1. Kết quả đạt được

Năm 2021 là năm chịu sự nhiều tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, tác động không nhỏ đến nguồn thu trên địa bàn. Song, với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND huyện thực hiện linh hoạt các giải pháp điều hành ngân sách, phối hợp tăng cường thu, chống thất thu và thu hồi nợ trên địa bàn huyện. Do vậy, ước thu NSNN trên địa bàn đạt kết quả đáng ghi nhận. Ước thu NSNN năm 2021 là 884.034,02 triệu đồng, đạt 252,49% dự toán giao. Trong đó, thu trên địa bàn là 278.276 triệu đồng, đạt 182,15% dự toán; đa số các chỉ tiêu về thu ngân sách đều đạt và vượt dự toán.

Chi ngân sách cơ bản bám sát dự toán, đáp ứng yêu cầu những nhiệm vụ chi quan trọng, kịp thời rà soát, cắt giảm dự toán, giãn tiến độ thực hiện một số nội dung chi ngân sách chưa thực sự bức thiết, kịp thời đề xuất HĐND huyện quyết nghị các chế độ chi đặc thù hỗ trợ cho các lực lượng chống dịch, chi bảo đảm xã hội. Ước chi ngân sách địa phương năm 2021 là 682.720,674 triệu đồng, đạt 223,46% dự toán. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 244.290,382 triệu đồng, đạt 456,35% dự toán (chủ yếu thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản từ nguồn năm trước chuyển sang 111.866,936 triệu đồng); chi thường xuyên là 295.678,512 triệu đồng, đạt 118,85% dự toán.

2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, tình hình thu, chi ngân sách năm 2021 còn có những khó khăn nhất định. Ngoài những khó khăn, hạn chế trong báo cáo đề cập, Ban KT-XH HĐND huyện nhận thấy: công tác quản lý vốn đầu tư vẫn còn bất cập, đến ngày 13/12/2021 số dư dự toán vốn đầu tư 25.854,992 triệu đồng; số dư tạm ứng lớn là 38.935,244 triệu đồng; tỷ lệ giải ngân chưa đạt kế hoạch. Tính đến 13/12/2021, kế hoạch vốn giải ngân là 164.665,882 triệu đồng/190.520,873 triệu đồng, đạt 86,43% theo kế hoạch vốn giao, một số dự án tỷ lệ giải ngân chưa đạt 100% vẫn còn hơn 25.854,992 triệu đồng nên khả năng chuyển nguồn và mất vốn rất lớn (kèm theo danh mục); công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn

với các đơn vị, địa phương trong quản lý chi thường xuyên còn hạn chế; nhu cầu sửa chữa cơ sở, vật chất, mua sắm trang thiết bị nhất là trong trường học, trụ sở làm việc của các xã, thị trấn chưa kịp thời, chi thường xuyên vẫn còn bất cập nhất là chi cho hoạt động phát sinh của các đơn vị, địa phương ngoài dự toán đầu năm.

II. Dự toán thu, chi NSNN năm 2022

Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện cơ bản thống nhất dự toán thu, chi NSNN do UBND huyện trình, ngoài ra Ban có một số ý kiến như sau:

1. Dự toán thu ngân sách

Dự toán thu NSNN trên địa bàn là 447.341 triệu đồng, tăng 6,53% so với tình giao là 419.941 triệu đồng, bằng 56,62% so với ước thực hiện năm 2021 và 127,55% dự toán năm 2021. Trong đó, thu trên địa bàn là 245.740 triệu đồng, tăng 12,55 % so với số tình giao (218.340 triệu đồng), giảm 11,69 % so với ước thực hiện năm 2021 và bằng 160,23% dự toán giao năm 2021.

Ban nhận thấy, dự toán thu trên địa bàn là phù hợp trong điều kiện thời tiết, thiên tai, dịch bệnh còn diễn biến khó lường. Tuy nhiên, để phân đấu hoàn thành chỉ tiêu đề ra, Ban đề nghị UBND huyện tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy sản xuất, khai thác triệt để các nguồn thu, tăng cường giải pháp thu nợ đọng thuế, tăng tần suất thanh tra, kiểm tra chống chuyển giá, gian lận thuế, chống thất thu; truy thu và xử lý kịp thời đối với các sai phạm trong công tác quản lý, kê khai nộp thuế được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra. Đề xuất các giải pháp tăng cường huy động, nuôi dưỡng nguồn thu và khai thác các nguồn thu mới. Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp theo dõi, đôn đốc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, kịp thời huy động vào ngân sách nhà nước. Đồng thời, tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc để thúc đẩy các nguồn thu từ đất, nhất trong việc đẩy nhanh chuẩn bị thủ tục đầu tư và thực hiện các dự án, giải phóng mặt bằng sạch cho đấu giá và giao cho chủ đầu tư, nhà thi công theo quy định.

2. Dự toán chi ngân sách

Dự toán chi ngân sách địa phương là 418.817 triệu đồng, bằng 137,08% dự toán năm 2021; chi ngân sách địa phương là 315.400 triệu đồng (trong đó chi thường xuyên 255.361 triệu đồng, bằng 235,17 % so với dự toán năm 2021, chi đầu tư phát triển 60.039 triệu đồng, bằng 339,20 % dự toán năm 2021).

Để đảm bảo điều hành ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, Ban đề nghị tăng cường công tác quản lý chi ngân sách, đảm bảo bám sát dự toán, đúng chính sách, chế độ, định mức, tính chất nguồn kinh phí. Nâng cao năng lực thẩm định dự toán, quét toán, kiên quyết cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết, hạn chế tối đa các khoản kinh phí tổ chức lễ hội, hội thảo, khách tiết, khánh thành, khởi công. Đồng thời, tiếp tục rà soát, sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp hoạt động không hiệu quả, duy trì thực hiện sắp xếp, quản lý tài sản công, xe ô tô phục vụ công tác theo đúng quy định, khai thác và sử dụng công sản hiệu quả.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021; dự toán thu, chi NSNN năm 2022, kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Đại biểu khách mời;
- CPVP;
- Lưu: VT, Ban KTXH.



**TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**

A Rất Thị Trinh

Phụ lục 1: TÔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ TỶ LỆ GIẢI NGÂN CHƯA ĐẠT 100% KẾ HOẠCH VỐN GIAO

(Kèm theo Báo cáo số:

BC-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Đông Giang)

DVT: ngàn đồng.

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2021	Địa điểm xây dựng	Mã QHNS	Kế hoạch vốn năm 2021	QĐ phân bổ vốn (...../QĐ-UBND)	Đơn vị chủ đầu tư	Tình hình giải ngân đến 13/12/2021			Tỷ lệ % giải ngân	Số tiền chưa giải ngân	Ghi chú
							Tổng cộng	Thanh toán khối lượng	Tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
(1)	(2)	(3)	(4)	(10)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)		
	TỔNG SỐ			190.520.873			164.665.882	164.665.882	0	86,43%	25.854.992	
A	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			37.450.274			30.424.189	30.424.189	0	81,24%	7.026.085	
1	XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG			19.703.981			14.155.068	14.155.068	0	71,84%	5.548.913	
I.1	THANH TOÁN NỢ			5.695.761			5.694.829	5.694.829	0	99,98%	932	
10	Khu vui chơi người già và trẻ em xã Tư (GD II)	Xã Tư	7852234	932.000	2083-30/9/2022	UBND xã Tư	0			0,00%	932,00	
I.2	CHUYỂN TIẾP			14.008.220			8.460.239	8.460.239	0	60,39%	5.547.981	0
1	Công trình: Sân vận động thuộc khu Liên hợp TDTT. Hạng mục: Khu thể thao (1000 chỗ)	TT Prao	7639131	4.441.184	94-14/01/2021	BQLDA-PTQĐ	1.608.000	1.608.000		36,21%	2.833.184	
2	Công trình sân vận động thuộc khu Liên hợp TDTT (giai đoạn III)	TT Prao	7729054	3.559.797	94-14/01/2021	BQLDA-PTQĐ	845.000	845.000		23,74%	2.714.797	
II	VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN (SỰ NGHIỆP CHUYỂN LÊN)			15.295.508			14.769.846	14.769.846	0	96,56%	525.662	0
II.1	Thanh toán chuyển tiếp			12.295.507			12.000.236	12.000.236	0	97,60%	295.271	0
2	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐH4 ĐG đoạn từ thôn A Râm 2 (cũ) đến thôn Zà Há (cũ) (nay là thôn Ra Nuôi) giáp đường ĐH12 ĐG	Xã Sơ Ngây	7839434	4.500.000	94-14/01/2021	Phòng KT&HT	4.204.729	4.204.729		93,44%	295.271	
2	Trường tiểu học A Ting, Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh giáo viên	Xã Mã Cooih	7910743	1.000.000	1558-05/8/2021	BQLDA-PTQĐ	769.609	769.609		76,96%	230.391	
III	Vốn Khai thác quỹ đất			2.450.785			1.499.275	1.499.275	0	61,18%	951.510	
1	Khu khai thác quỹ đất mặt bằng sân vận động huyện. Hạng mục: Giao thông, thoát nước, san nền, cấp điện, cấp nước.	TT Prao	7805931	1.551.510	337-04/03/2021	BQLDA-PTQĐ	600.000	600.000		38,67%	951.510	
B	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ			83.864.600			73.588.863	73.588.863	0	87,75%	10.275.737	0
III	KCH KÈNH MƯƠNG THỦY LỢI NHỎ, THỦY LỢI HÓA ĐẤT MÀU (NGUỒN TIẾT KIỂM CHI)			1.279.507			1.002.930	1.002.930	0	78,38%	276.577	
1	Thủy lợi thôn Tà Vạc, thị trấn Prao	TT Prao	7856703	87.005	337-04/03/2021	Phòng NN&PTNT	30.000	30.000		34,48%	57.005	
3	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi thôn Ra É và thôn Chờ Nết, xã A Ting	xã A Ting	7848567	258.439	337-04/03/2021	BQLDA-PTQĐ	70.251	70.251		27,18%	188.188	
7	Nâng cấp Thủy lợi cánh đồng Pir Đeh, xã A Rooi	xã A Rooi	7848574	188.886	337-04/03/2021	BQLDA-PTQĐ	160.446	160.446		84,94%	28.440	
8	Nâng cấp Thủy lợi Mơ Goom thôn Aréh, Đhrông, xã Tá Lu	xã Tá Lu	7848569	206.110	1096-11/6/2021	BQLDA-PTQĐ	203.166	203.166		98,57%	2.944	
IV	VỐN THEO NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH			52.576.025			48.400.329	48.400.329	0	92,06%	4.175.696	
1	Cụm công nghiệp thôn Bón, xã Ba.	xã Ba	7777458	4.200.000	337-04/03/2021	BQLDA-PTQĐ	3.722.000	3.722.000		88,62%	478.000	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2021	Địa điểm xây dựng	Mã QHNS	Kế hoạch vốn năm 2021	QĐ phân bổ vốn (.....)/QĐ-UBND)	Đơn vị chủ đầu tư	Tình hình giải ngân đến 13/12/2021			Tỷ lệ % giải ngân	Số tiền chưa giải ngân	Ghi chú
							Tổng cộng	Thanh toán khối lượng	Tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
2	Các tuyến nội thị thị trấn Prao	TT Prao	7796111	20.000.000	337-04/03/2021 2238-26/10/2021	BQLDA-PTQĐ	17.000.000	17.000.000		85,00%	3.000.000	
3	Đường từ xã Tả Lu- thị trấn Prao- xã Zà Hung (từ trung tâm huyện Đông Giang đi huyện Đại Lộc)	TT Prao	7716768	3.000.000	337-04/03/2021	BQLDA-PTQĐ	2.960.000	2.960.000		98,67%	40.000	
4	Công trình: Cầu Sông Kôn Km46+250 trên Quốc lộ 14G. Hạng mục Bồi thường, giải phóng mặt bằng	Xã Sông Kôn	7097732	364.735	337-04/03/2021	BQLDA-PTQĐ	0			0,00%	364.735	Đã hoàn thành PA đến bù thừa vốn
	Xây dựng mới			24.907.805			24.614.844	24.614.844	0	98,82%	292.961	
1	Đường Nội thị Phía tây TT Prao	TT Prao	7870142	24.907.805	1364-15/7/2021	BQLDA-PTQĐ	24.614.844	24.614.844		98,82%	292.961	
V	Ngân sách tỉnh hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			2.043.068			1.991.238	1.991.238	0	97,46%	51.830	
1	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Tư. Giai đoạn II	Xã Tư	7876686	543.068	337-04/03/2021	UBND xã Tư	491.238	491.238		90,46%	51.830	
VII	NGUỒN VỐN KHÁC PHỤC BẢO LUT			4.107.000			2.264.739	2.264.739	0	55,14%	1.842.262	
1	Kẻ Chông sạt lở Ta luy dương Trường TH Zơ Ngậy	Xã Zơ Ngậy	7893011	1.896.104	677-13/4/2021	BQLDA-PTQĐ	134.000	134.000		7,07%	1.762.104	
2	Cầu bê tông và hư hỏng nền, mặt đường trên tuyến đường vào thôn A Duông (A Duông 2 cũ)	TT Prao	7901683	1.544.250	1058-07/6/2021	Phòng KT&HT	1.464.093	1.464.093		94,81%	80.158	
VII	NGUỒN VỐN KTQĐ NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG			3.000.000			2.959.413	2.959.413	0	98,65%	40.587	
6	Đường GTNT các thôn thị trấn Prao.	TT Prao	7843481	27.572	1559-05/8/2021	UBND TT Prao	27.364	27.364		99,25%	208	
17	Trường Mẫu Giáo Hoa Mai. Hạng mục : Khôi nhà 02 phòng chức năng	Xã Tư	7915319	760.000	1559-05/8/2021	BQLDA-PTQĐ	719.621	719.621		94,69%	40.379	
VII	Nguồn vốn KCH mặt đường (ĐH)			6.859.000			2.970.214	2.970.214	0	43,30%	3.888.786	
1	Kiên cố hóa tuyến đường ĐH2.ĐG năm 2021. Hạng mục: Mặt đường từ Km0+00-Km2+00 và rãnh dọc.	Xã Ba	7917620	3.108.000	2059-23/9/2021	Phòng KT&HT	2.970.214	2.970.214		95,57%	137.786	
2	Kiên cố hóa tuyến đường ĐH1.ĐG năm 2021. Hạng mục: Mặt đường từ Km6+950-Km9+00 và rãnh dọc.	Xã Tư	7919823	3.751.000	2113-01/10/2021	Phòng KT&HT	0			0,00%	3.751.000	
C	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			57.553.528		0	51.199.016	51.199.016	0	88,96%	6.354.512	0
	Dự án chuyển tiếp			39.020.594			34.600.057	34.600.057	0	88,67%	4.420.537	0
1	Điểm định canh tập trung thôn Đốc kiến, xã Ba. Hạng mục: Đường giao thông nông thôn (giai đoạn 1: Nền đường và hệ thống thoát nước)	Xã Ba	7846651	14.020.594	94-14/01/2021	BQLDA-PTQĐ	12.478.593	12.478.593		89,00%	1.542.001	
2	Xây dựng khu tái định cư tập trung thôn Bến Hiến, xã K à Dâng, huyện Đông Giang	xã Kà Dâng	7888815	25.000.000	473-02/4/2021	BQLDA-PTQĐ	22.121.464	22.121.464		88,49%	2.878.536	
	Xây dựng mới			18.532.934			16.598.959	16.598.959	0	89,56%	1.933.975	
1	Kẻ Chông sạt lở khu TĐC Xã Nghìn 2	xã Zà Hung	7887411	3.235.300	677-13/4/2021	BQLDA-PTQĐ	2.894.519	2.894.519		89,47%	340.781	
3	Tuyến đường ĐH5.ĐG (xã Zà Hung- A rooi)	Xã A Rooi	7894199	9.000.000	677-13/4/2021 2060-23/9/2021	Phòng KT&HT	8.411.277	8.411.277		93,46%	588.723	
4	Kẻ Chông sạt lở Ta luy dương Trường TH Zơ Ngậy	Xã Zơ Ngậy	7893011	2.500.000	677-13/4/2021	BQLDA-PTQĐ	1.721.735	1.721.735		68,87%	778.265	
5	Công và đường hai đầu công Tổ dân cư Ka Đêh, thôn Tả Vạt, thị trấn Prao	TT Prao	7924433	1.055.000	2060-23/9/2021	Phòng KT&HT	828.794	828.794		78,56%	226.206	
D	NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG			11.652.472			9.453.814	9.453.814	0	81,13%	2.198.658	
I	VỐN CHƯƠNG TRÌNH 30A (QUYẾT ĐỊNH SỐ 293/QĐ-TTg)			5.884.232			4.541.232	4.541.232	0	77,18%	1.343.000	



TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2021	Địa điểm xây dựng	Mã QHNS	Kế hoạch vốn năm 2021	QĐ phân bổ vốn (...../QĐ-UBND)	Đơn vị chủ đầu tư	Tình hình giải ngân đến 13/12/2021			Tỷ lệ % giải ngân	Số tiền chưa giải ngân	Ghi chú
							Tổng cộng	Thanh toán khối lượng	Tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	Đường GTNT thôn A Liêng - thôn A Rớt, xã A Ting (giai đoạn 3); Lý trình km2+572.7-km5+000.	xã A Ting	7723450	2.837.000	337-04/03/2021	BQLDA-PTQĐ	1.494.000	1.494.000	0	52,66%	1.343.000	
II	VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135/CP năm 2020.			1.935.847			1.846.542	1.846.542	0	95,39%	89.305	
	Dự án chuyên tiếp			1.935.847			1.846.542	1.846.542	0	95,39%	89.305	
1	Đường trung tâm xã (từ Km00+700m đến Km1+500m trường mẫu giáo Za Hung - ARooi thôn Tu Ngung-A Bung)	xã A Rooi	7842864	342.606		UBND xã A Rooi	333.162	333.162		97,24%	9.444	
3	Đường bê tông GTNT thôn Ra Ê (Từ quốc lộ 14g đến nhà ông PoLoong AMLót)	xã A Ting	7846995	97.303		UBND xã A Ting	86.630	86.630		89,03%	10.673	
4	Đường GTNT vào khu dân cư K9, thôn K8, Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	xã Sông Kôn	7849747	529.859		UBND xã Sông Kôn	496.425	496.425		93,69%	33.434	
6	Đường trung tâm xã từ thôn A Rêh (Nay là thôn A Rêh Đhrông) đến thôn Pà Nai (giai đoạn 4)	xã Tà Lu	7848226	242.077		UBND xã Tà Lu	206.323	206.323		85,23%	35.754	
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG NTM NĂM 2020			3.832.393	0		3.066.040	3.066.040	0	80,00%	766.353	
1	Nước sinh hoạt liên thôn Arêh - Đhờ Rông.	Xã Tà lu	7783487	64.904		UBND xã Tà Lu	0			0,00%	64.904	
2	Nước sinh hoạt thôn Gô - trung tâm xã và trường TH-THCS Za Hung	xã Za Hung	7774423	54.394		UBND Xã Za Hung	0			0,00%	54.394	
1	Khu vui chơi người già và trẻ em (Giai đoạn 2).	Xã Ba	7795948	70.651		UBND Xã Ba	0			0,00%	70.651	
1	Nước sinh hoạt liên thôn Arêh - Đhờ Rông (Giai đoạn 2)	Xã Tà Lu	7857539	377.492		UBND xã Tà Lu	263.250	263.250		69,74%	114.242	
2	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn Pà Nai	Xã Tà Lu	7857541	38.586		UBND xã Tà Lu	20.503	20.503		53,14%	18.083	
3	Điện chiếu sáng đường trung tâm xã A Rooi	Xã A Rooi	7842866	44.334		UBND xã A Rooi	31.226	31.226		70,43%	13.108	
1	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt thôn ARóch	Xã A Ting	7847003	66.319		UBND xã A Ting	36.908	36.908		55,65%	29.411	
2	Đường bê tông GTNT thôn Chi Nêtt (Từ quốc lộ 14g đến nhà ông Bnướch Tài)	Xã A Ting	7846992	324.471		UBND xã A Ting	291.170	291.170		89,74%	33.301	
1	Đường từ cầu Cháo (Khu TĐC Xã Nghin 2) (Nay là thôn Xã Nghir) đến cánh đồng Chợ Đu (Giai Đoạn 1)	Xã Za Hung	7846994	986.741		UBND Xã Za Hung	721.968	721.968		73,17%	264.773	
1	Nước sinh hoạt thôn Bến Hiến	Xã Kà Dăng	7838275	222.382		UBND xã Kà Dăng	156.276	156.276		70,27%	66.106	
1	Đường giao thông nội đồng thôn Quyết Thắng	Xã Ba	7866664	377.380		UBND Xã Ba	340.000	340.000		90,09%	37.380	